

NỘI DUNG ÔN TẬP TRIẾT HỌC (KỲ 20202 - K65)

Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

Nội dung ôn tập:

- 1. Vấn đề cơ bản của triết học.*
- 2. Điều kiện, tiền đề ra đời của triết học Mác.*
- 3. Phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.*

Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng (nhiều câu hỏi nhất)

Nội dung ôn tập:

Ông lenin nói chỉ có 1 thế giới là thế giới vật chất, vật chất tồn tại khách quan ko phụ thuộc vào ý muốn con người.

Tính cố hữu – nghĩa là vốn có.

Có 5 hình thức vận động. Bản chất của sự vật hiện tượng đặc trưng bởi hình thức vận động cao nhất.

Có 3 bản chất của ý thức: ý thức là sự phản ánh của tính năng động sáng tạo, hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là hiện tượng xã hội mang bản chất xã hội <slide 12>

Có 3 hình thức phản ánh của ý thức: lý hóa, sinh vật, ý thức. Tất cả mọi dạng vật chất đều có hình thức phản ánh. Phản ánh ý thức là cao nhất chỉ có ở con người.

*+ Nguồn gốc **tự nhiên** của ý thức gồm 2 yếu tố: bộ não người và thế giới bên ngoài tác động vào bộ não người.*

*+ Nguồn gốc **xã hội** của ý thức: quá trình lao động sản xuất, hoạt động thực tiễn con người → Do đó **nguồn gốc trực tiếp quan trọng nhất** qđ sự ra đời của ý thức là quá trình lao động sản xuất và hoạt động thực tiễn*

- 1. Vật chất và ý thức.*
- 2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.*
- 3. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại. (chỉ học **Quy luật lượng – chất**)*
- 4. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức. (khái niệm, vai trò của thực tiễn với nhận thức, kết cấu của thực tiễn gồm bao nhiêu bộ phận)*

Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Nội dung ôn tập:

1. Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. (khái niệm, kết cấu, quan hệ, mối quan hệ giữa LLSX với QHSX) → đây là quy luật cơ bản nhất

2. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP MÔN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

Cuối thế kỉ 19 tìm ra cấu tạo nguyên tử.

Đầu thế kỉ 19 đề ra các tiền đề khoa học tự nhiên: định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, học thuyết đac uyn, học thuyết tế bào -> Chứng minh các sự vật trên thế giới đều ko tách rời (**tư duy siêu hình cho rằng các sự vật tách rời nhau**) mà có liên kết, có mối liên hệ với nhau.

Câu 1 . Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, Triết học là:

A. Hệ thống tri thức lý luận của con người về thế giới, về vị trí vai trò của con người trong thế giới đó.

B. Hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về thế giới, về vị trí vai trò của con người trong thế giới đó.

C. Hệ thống tri thức lý luận chung nhất của con người về vị trí và vai trò của con người trong thế giới đó.

D. Hệ thống tri thức lý luận bao quát tất cả các ngành khoa học.

Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan: chủ nghĩa duy tâm khách quan cho rằng chỉ có 1 thế giới đó là thế giới tinh thần, thế giới này tạo ra vật chất của chúng ta

Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan: khi ngta nghĩ như thế nào thì nó là như thế (phụ thuộc vào ý thức con người, do con người chúng ta) **Sự vật hiện tượng chỉ là phức hợp của cảm giác**

Câu 2. Theo triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây là đúng ?

A. Vấn đề cơ bản của triết học là mối quan hệ vật chất và ý thức.

B. Vấn đề cơ bản của triết học là giữa vật chất và ý thức thì cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào. (ko đúng vì chưa đủ, vì nó là một mặt của vấn đề cơ bản của triết, nó còn một mặt khác là con người có khả năng nhận thức đc thế giới hay không)

C. Vấn đề cơ bản của triết học là giải thích về khả năng nhận thức của con người. **đây là mặt 2**

D. Vấn đề cơ bản của triết học là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại. (vật chất là tồn tại, tư duy là ý thức)

Câu 3. Lựa chọn đáp án đúng trong các quan điểm sau: (hỏi về tiền đề ra đời của triết học mác)

Gồm 3 tiền đề: triết học cổ điển đức, kinh tế chính trị anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng pháp.

Triết học cổ điển Đức: Ông Mác kế thừa phép biện chứng của Hegel trên cơ sở loại bỏ yếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồng thời kế thừa các quan điểm duy vật tiên bộ của Phơ Bách để xây dựng chủ nghĩa duy vật biện chứng. **(kế thừa nhưng có sự loại bỏ -> đáp án A sai)**

Kinh tế chính trị Anh:

Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp:

A. Triết học Mác là sự kết hợp phép biện chứng của Hegel và chủ nghĩa duy vật của Feuerbach

B. Triết học Mác có sự thống nhất giữa phương pháp biện chứng và thế giới quan duy vật. (Khi ngta nói chủ nghĩa duy vật biện chứng tức là phương pháp biện chứng, còn thế giới quan là TG quan duy vật. Còn khi nói đến chủ nghĩa duy tâm tức là thế giới quan là thế giới quan duy tâm. Còn khi nói về chủ nghĩa duy vật siêu hình thì thế giới quan là duy vật, phương pháp là phương pháp siêu hình) (Ông Hegel: phương pháp biện chứng nhưng thế giới quan là duy tâm) (Ông Mác: thế giới quan là duy vật, phương pháp là pp biện chứng)

C. Triết học Mác kế thừa hạt nhân hợp lý trong phép biện chứng của Hegel và chủ nghĩa duy vật của Feuerbach để xây dựng chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 4*. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tác động của khoa học tự nhiên (KHTN) nửa đầu thế kỷ XIX đối với phương pháp tư duy siêu hình, luận điểm nào sau đây là **sai**.

phát minh quan trọng cuối tk 19 nhất là tìm ra cấu tạo nguyên tử

A. KHTN nửa đầu thế kỷ XIX phù hợp với phương pháp tư duy siêu hình.

B. KHTN nửa đầu thế kỷ XIX làm bộc lộ tính hạn chế và sự bất lực của phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới siêu hình cho rằng cô lập sự vật, ko liên hệ với nhau. còn ông kia cho rằng tất cả sự vật có mối quan hệ với nhau, khắc phục nhau

C. KHTN nửa đầu thế kỷ XIX khẳng định vai trò tích cực của phương pháp tư duy siêu hình trong việc nhận thức thế giới

D. KHTN nửa đầu thế kỷ XIX đã tạo điều kiện cho phương pháp tư duy siêu hình phát triển trong việc nhận thức thế giới

Câu 5. Triết học Mác ra đời trong điều kiện kinh tế - xã hội nào?

A. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã trở thành phương thức sản xuất thống trị trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội. (chủ nghĩa tư bản đã thống trị từ trước rồi, nhưng khi nói phương thức sản xuất tư bản **đã phát triển mạnh mẽ** ở châu Âu thì là phương án đúng)

B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mới xuất hiện.

C. Sự xuất hiện giai cấp vô sản trên vũ đài chính trị với tính cách là một lực lượng chính trị xã hội độc lập. khi xuất hiện giai cấp vô sản khi đó mới cần một lý luận chính trị soi sáng

D. Chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc.

Câu 6. Nội dung định nghĩa vật chất của Lênin, thể hiện:

trong định nghĩa có nói vật chất là nguồn gốc, ý thức phản ánh vật chất. vật chất phải là đầu tiên (tính thứ nhất). thế giới dc bộ não phản ánh trong đầu, cái dc phản ánh trong đầu gọi là ý thức (→ ý thức là tính thứ 2)

A. Vật chất là tính thứ nhất.

B. Ý thức là tính thứ hai.

C. Vật chất là nguồn gốc của cảm giác, của ý thức.

D. Ý thức không là thuộc tính của vật chất. (giải thích: bộ não là **dạng vật chất đặc biệt**, bộ não phản ánh thế giới bên ngoài)

Câu 7. Nguyên tắc phương pháp luận cơ bản được xây dựng từ lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức là: **(tức là cái phương pháp dựa trên nguyên tắc nào)**

A. Chỉ xuất phát từ thực tế khách quan.

B. Chỉ phát huy tính năng động chủ quan.

C. Xuất phát từ thực tế khách quan đồng thời phát huy tính năng động chủ quan.

D. Phát huy tính năng động chủ quan trên cơ sở tôn trọng thực tế khách quan.

Câu 8. Trong các luận điểm sau, luận điểm nào là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng: chỉ có 1 thế giới là thế giới vật chất, thế giới này thống nhất ở tính vật chất của nó (dù tồn tại ở cái gì nữa thì chỉ tồn tại khách quan với ý thức con người – tính vật chất) → **nhất nguyên (cho rằng chỉ có 1 thế giới là TG vật chất)**

A. Thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó.

B. Sự vật, hiện tượng trong thế giới đều do cảm giác của con người sinh ra. (chủ nghĩa duy tâm chủ quan)

C. Tồn tại một thế giới tinh thần độc lập bên ngoài con người, độc lập với con người. (quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan)

D. Có hai thế giới cùng tồn tại đó là thế giới vật chất và thế giới tinh thần. (nhị nguyên – cho rằng có 2 thế giới)

Câu 9. Khi nói vật chất là cái được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại và phản ánh, về mặt nhận thức luận V.I. Lênin muốn khẳng định điều gì?

vật chất : được đem lại cho con người cảm giác, đc cảm giác chép lại chụp lại

A. Ý thức của con người không có khả năng phản ánh đúng thế giới vật chất

B. Ý thức của con người có khả năng phản ánh về thế giới hiện thực khách quan

C. Ý thức của con người chỉ là sự phản ánh về thế giới hiện thực khách quan và nó có nguồn gốc từ vật chất do vật chất quyết định

Câu 10. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, khi nói vật chất tự thân vận động, được hiểu là:

A. Do kết quả của sự tác động từ bên ngoài vào các sự vật. (quan niệm siêu hình)

B. Do sự quy định của lực lượng tinh thần đối với các sự vật. (quan điểm duy tâm)

C. Do kết quả của sự tác động lẫn nhau giữa các yếu tố, các bộ phận tạo nên sự vật. (sự vận động do tác động các mặt các yếu tố của sự vật hiện tượng)

D. Do vận động là vốn có của vật chất. (nó là thuộc tính cố hữu của vật chất)

Câu 11. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc tự nhiên của ý thức là:

A. Bộ óc người cùng với thế giới bên ngoài tác động lên bộ óc người.

B. Sự phát triển của quá trình phản ánh. (có 3 hình thức phản ánh, chỉ có bộ não người mới có phản ánh ý thức, để có sự phản ánh ý thức là phải có quá trình phát triển)

C. Bộ óc của con người. (chưa đúng, phải có bên ngoài tác động)

D. Quá trình lao động và ngôn ngữ. (thuộc về nguồn gốc xã hội)

Câu 12. Theo quan điểm *duy vật biện chứng*, luận điểm nào sau đây sai?

A. Vận động là phương thức tồn tại của vật chất (luôn đúng)

B. Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất (cái này đúng)

C. Có một số dạng vật chất không vận động (sai vì tất cả vật chất đều biểu hiện sự tồn tại của mình thông qua vận động)

D. Nguồn gốc của vận động nằm bên ngoài các sự vật hiện tượng. (→ cái này là quan điểm của ông siêu hình) (theo quan điểm của duy vật biện chứng thì nguồn gốc của vận động nằm trong chính bản thân của sự vật hiện tượng)

Câu 13. Theo triết học Mác-Lênin, luận điểm nào sau đây là đúng ?

A. Định nghĩa về vật chất của V.I. Lênin thừa nhận vật chất nói chung tồn tại vĩnh viễn (ý này đúng), tách rời các dạng cụ thể của vật chất. (sai vì các dạng vật chất trên thế giới ví dụ: trái đất là vật chất, nguyên tử cũng là vật chất → cho nên tách rời là sai)

B. Định nghĩa về vật chất của V.I. Lênin đồng nhất vật chất nói chung với **một** dạng cụ thể của vật chất.

C. Định nghĩa vật chất của V.I. Lênin đã giải quyết triệt để hai mặt trong vấn đề cơ bản của triết học. (đây là ý nghĩa thứ nhất của định nghĩa vật chất của Lê nin)

D. Định nghĩa về vật chất của V.I. Lênin thừa nhận vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người, thông qua các dạng tồn tại cụ thể. (đúng)

Câu 14. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vật chất có các thuộc tính cơ bản sau:

A. Tồn tại khách quan

B. Có thể mang lại cảm giác cho con người

C. Ý thức chẳng qua là sự phản ánh của vật chất

D. Tồn tại phụ thuộc vào ý thức

Câu 15. Chọn nhận định đúng. Quan niệm của chủ nghĩa duy vật thời cổ đại về vật chất?

A. Đồng nhất vật chất với những vật thể hữu hình, cảm tính như nước, lửa, không khí,...

B. Đồng nhất vật chất với những thuộc tính bất biến của vật chất như khối lượng, quảng tính,... (quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỉ 17 18)

C. Đồng nhất vật chất với thuộc tính khách quan của vật chất

Câu 16. Dựa trên cơ sở nào người ta chia các trường phái triết học thành chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm?

A. Dựa trên cách giải quyết mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học. (có 3 cách trả lời câu hỏi mặt thứ nhất)

B. Dựa trên cách giải quyết mặt thứ hai của vấn đề cơ bản của triết học. → tạo ra 2 trường phái triết học là khả tri và bất khả tri (mặt thứ 2 là chỉ có các nhà triết học duy tâm)

C. Dựa trên cách giải quyết cả hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học.

D. Dựa trên cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

Câu 17. Theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin, nhận định nào sau đây đúng về **bản chất** của ý thức?

A. Ý thức là sản phẩm của một dạng vật chất - đó là não người. Não người sinh ra ý thức cũng như mọi sản phẩm vật chất khác do con người tạo ra. (ý thức là thuộc tính, tính chất của một dạng vật chất có tổ chức cao đó là não người)

B. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

C. Ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan một cách thụ động. năng động, sáng tạo

D. Là sự phản ánh tích cực, năng động, sáng tạo thế giới khách quan bằng não người.

Câu 18. Lựa chọn câu trả lời đúng theo triết học Mác- Lênin: Phạm trù vật chất được hiểu là:

Vật chất chỉ thực tại khách quan, nó chỉ thế giới này chứ ko phải toàn bộ thế giới này.

Phạm trù là khái niệm rộng nhất, do con người khái quát hóa.

A. Toàn bộ thế giới vật chất. (nếu hỏi phạm trù **vật chất chỉ cái gì** thì A đúng)

B. Toàn bộ thế giới khách quan. (nếu hỏi phạm trù **vật chất chỉ cái gì** thì B đúng)

C. Là sự khái quát trong quá trình nhận thức của con người đối với thế giới khách quan. (câu hỏi ở đây nghĩa là vật chất đc hiểu như thế nào thì C đúng)

D. Là hình thức phản ánh đối lập với thế giới vật chất.

Câu 19. Chọn đáp án **đúng nhất** theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

A. Mỗi liên hệ chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng với nhau còn trong bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ.

B.Mối liên hệ của sự vật hiện tượng chỉ do ý chí con người tạo ra còn bản thân sự vật hiện tượng không có sự liên hệ.

C.Mối liên hệ của sự vật hiện tượng không chỉ diễn ra giữa các sự vật hiện tượng mà còn diễn ra ngay trong sự vật hiện tượng. (mối liên hệ phổ biến_slide 11_chương 2)

D.Mối liên hệ của các sự vật hiện tượng trong thế giới chỉ diễn bên trong các sự vật, hiện tượng.

Câu 20. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin, nhận định **đúng nhất** về nguyên tắc toàn diện yêu cầu là:
<slide 11_chương 2>

A.Phải đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng mặt, từng yếu tố, từng mối liên hệ trong quá trình cấu thành sự vật, hiện tượng. (cái này đúng, nhưng cái C bao quát hơn)

B.Không cần phải đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng mặt, từng yếu tố, từng mối liên hệ trong quá trình cấu thành sự vật, hiện tượng. (sai)

C. Phải xem xét sự vật hiện tượng trong tính chỉnh thể thống nhất của nó. (ý A nằm trong ý C) (C ngoài những cái có trong A còn có: mối liên hệ với các sự vật hiện tượng khác)

D.Chỉ cần đánh giá đúng vị trí, vai trò của những mối liên hệ cơ bản, chủ yếu của sự vật, hiện tượng. (sai vì nguyên tắc toàn diện phải xem xét tất cả các mặt các mối liên hệ chứ ko pải chỉ xem xét mối liên hệ cơ bản)

Câu 21. Quan điểm nào sau đây là quan điểm siêu hình về sự phát triển?

(theo **siêu hình** thì dù thay đổi cái gì nữa thì nó vẫn như cũ, chỉ đổi về lượng, sự vật không thay đổi, chất không thay đổi)

A. Chất của sự vật không thay đổi gì trong quá trình tồn tại và phát triển của chúng. (trong chủ nghĩa duy vật biện chứng thì chất thay đổi trong qt phát triển còn ông siêu hình thì chất cô đọng)

B.Phát triển là sự chuyển hoá từ những thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất. (→ theo biện chứng đúng)

C.Phát triển bao hàm sự nảy sinh chất mới và sự phá vỡ chất cũ.

D.Phát triển có sự kế thừa cái cũ và lặp lại cái cũ. (ko pải phát triển theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, nhưng là đúng đối với quan điểm siêu hình)

Câu 22. Quan niệm của **Chủ nghĩa duy vật biện chứng** về cơ sở của các mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng trong thế giới là:

A. Cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là tính thống nhất vật chất của thế giới. (chủ nghĩa duy vật biện chứng (mac lenin) cho rằng chỉ có 1 thế giới là thế giới vật chất và các vật chất có tính thống nhất, có mối liên hệ với nhau)

B. Cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là các lực lượng bên ngoài có tính chất ngẫu nhiên. (bên ngoài là sai rồi)

C. Cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ý niệm về sự thống nhất của thế giới. (quan niệm duy tâm khách quan)

D. Cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ý thức, cảm giác của con người. (quan niệm duy tâm chủ quan)

Câu 23. Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm triết học Mác- Lênin, Cơ sở lý luận của Nguyên tắc phát triển là:

+ (cơ sở lý luận của nguyên tắc toàn diện là nguyên lí về mối liên hệ phổ biến)

+ (cơ sở của nguyên tắc phát triển là nguyên lí về sự phát triển)

A.Nguyên lí về mối liên hệ phổ biến.

B.Nguyên lí về sự phát triển.

C. Phương pháp biện chứng.

D.Tính thống nhất vật chất của thế giới.

Câu 24. Xác định lập trường của chủ nghĩa duy vật siêu hình trong các luận điểm sau?

A. Phát triển là sự tăng, giảm đơn thuần về lượng.

B. Vận động của vật chất nói chung là tuyệt đối, vĩnh viễn.

C. Sự phát triển của lịch sử xã hội loài người là do ý chí của vĩ nhân. (ý chí vĩ nhân là quan điểm của duy tâm chủ quan, chủ quan là ý chí của cái đầu chúng ta) (còn duy tâm khách quan là có 1 thế giới tinh thần bên ngoài tạo ra thế giới của chúng ta)

D. Phát triển bao giờ cũng đi lên theo con đường thẳng tắp.

Câu 25. Theo triết học Mác-Lênin, quy luật Lượng- Chất có vị trí, vai trò như thế nào trong phép biện chứng duy vật?

Phép biện chứng duy vật có 3 quy luật cơ bản. Quy luật lượng chất là quy luật thứ nhất <slide 30 chương 2> → Không có chất và lượng thuần túy tách rời nhau. khi nói đến chất là phải đi kèm với lượng và ngược lại → Lượng và chất chỉ có tính chất tương đối.

Chất có tính ổn định, còn lượng có tính động (luôn thay đổi)

A. Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, chỉ ra cách thức chung nhất của sự vận động và phát triển.

B. Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, chỉ ra xu hướng của sự vận động và phát triển.

C. Là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, chỉ ra nguồn gốc của sự vận động và phát triển.

Câu 26. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

A. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tuyệt đối.

B. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tương đối. (đúng)

C. Chất và lượng của sự vật đều tồn tại khách quan. (đúng)

D. Không có chất lượng thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật (đúng) (ví dụ bảo rất giỏi toán thì nó phải gắn với bạn nào đó, ko có chuyện thuần túy bên ngoài sự vật)

Câu 27. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

A. Sự thay đổi của lượng phải vượt qua một giới hạn nhất định mới làm cho chất của sự vật thay đổi.

B. Mọi sự thay đổi phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật đều không làm cho chất của sự vật thay đổi.

C. Không phải mọi sự biến đổi về lượng đều dẫn đến sự biến đổi của chất.

D. Mọi sự thay đổi về lượng đều dẫn đến sự thay đổi về chất của sự vật.

Câu 28. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là đúng?

A. Thuộc tính cơ bản biểu hiện rõ chất của sự vật còn thuộc tính bất kì nào cũng là biểu hiện chất của sự vật.

B. Sự phân biệt giữa thuộc tính cơ bản và không cơ bản chỉ mang tính tương đối. (vì các thuộc tính, tính chất trong mqh này là cơ bản nhưng mqh khác lại là không cơ bản)

C. Bất cứ thuộc tính nào cũng là biểu hiện chất của sự vật.

D. Chỉ có thuộc tính cơ bản mới tạo lên chất của sự vật.

Câu 29. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

A. Chất là tính quy định khách quan vốn có của sự vật.

B. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì và phân biệt nó với cái khác.

C. Chất đồng nhất với thuộc tính. (sai vì khi thuộc tính cơ bản thay đổi thì chất thay đổi)

D. Khi thuộc tính thay đổi thì chất của sự vật thay đổi (chất của sự vật là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính cơ bản, chỉ thuộc tính cơ bản mới tạo nên chất của sự vật)

Câu 30. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

A. Sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và lượng.

B. Tính quy định về chất nào của sự vật cũng có tính quy định về lượng tương ứng. (lượng và chất bao giờ cũng thống nhất với nhau)

C. Tính quy định về chất không có tính ổn định. (chất có tính ổn định)

D. Tính quy định về lượng nói lên mặt thường xuyên biến đổi của sự vật

Câu 31. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong các hình thức sau, hình thức nào là hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn? <chương 2 phần III slide trang 11>

A. Hoạt động chính trị - xã hội.

B. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

C. Hoạt động thực nghiệm khoa học.

D. Hoạt động sản xuất vật chất. (giữ vai trò quyết định nhất)

Câu 32. Theo Triết học Mác – Lênin, luận điểm nào sau đây là sai ?

A. Thực tiễn là nguồn gốc của nhận thức vì qua thực tiễn bộc lộ thuộc tính bản chất của đối tượng.

B. Thực tiễn là động lực của nhận thức nó đòi hỏi tư duy con người phải giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra.

C. Thực tiễn là hoạt động vật chất và tinh thần của con người trong quá trình cải tạo tự nhiên và xã hội. (thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích (ko có tinh thần))

D. Thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm tra của chân lý có tính tuyệt đối. (chân lý là những tri thức phù hợp với thực tế đã được chứng minh kiểm nghiệm, chân lý vừa có tính tương đối vừa có tính tuyệt đối (tức là trong giai đoạn lịch sử này nó đúng tuyệt đối, nhưng có thể trong giai đoạn lịch sử khác nó lại ko đúng nữa))

Câu 33. Lựa chọn đáp án đúng theo quan điểm triết học Mác – Lênin. Yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất là: <slide trang 7>

A. Người lao động (giữ vai trò quyết định nhất trong lực lượng sản xuất)

B. Phương tiện lao động

C. Công cụ lao động

D. Tư liệu lao động

Câu 34. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, khẳng định nào sau đây đúng? <slide trang 9>

A. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ phát triển của con người.

B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ phát triển của con người và xã hội.

C. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ con người chinh phục giới tự nhiên.

D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ con người cải tạo và phát triển xã hội.

Câu 35. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhận định nào sau đây là sai?

A. Công cụ lao động giữ vai trò quyết định đến năng suất lao động. (công cụ lao động là vật trung gian giữa tự nhiên và con người nên câu này đúng)

B. Công cụ lao động là thước đo trình độ tác động, cải biến tự nhiên của con người. (công cụ càng hiện đại càng chinh phục mạnh)

C. Công cụ lao động là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất.

D. Công cụ lao động là những yếu tố vật chất của quá trình sản xuất. (Trong đối tượng lao động cũng là yếu tố vật chất, trong tư liệu lao động gồm công cụ lao động và phương tiện lao động, phương tiện lao động cũng là yếu tố vật chất của quá trình sản xuất) → nếu ko có chữ những thì câu này đúng

Câu 36. Quan hệ kích thích trực tiếp lợi ích của con người, là “chất xúc tác” kinh tế thúc đẩy tốc độ quá trình sản xuất là:

A. Quan hệ về sở hữu đối với tư liệu sản xuất.

B. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động. (quan hệ này kích thích trực tiếp)

C.Quan hệ về tổ chức, quản lý quá trình sản xuất.

D.Quan hệ về ứng xử giữa người với người trong quá trình sản xuất.

Câu 37. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tính chất nào sau đây biểu hiện tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. <slide 20 _ có 5 ý>

A. Tính lạc hậu. (ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội)

B. Tính kế thừa. (ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển)

C. Tính tích cực sáng tạo. (ý thức xã hội có khả năng vượt trước tồn tại xã hội)

D. Tính lệ thuộc.

2 ý nữa là: sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội và ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội.

Câu 38. Chọn luận điểm đúng nhất về sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội?

Tồn tại xã hội là phương diện vật chất còn ý thức xã hội là phương diện tinh thần.

Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội (vật chất quyết định tinh thần)

Ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong 1 giai đoạn lịch sử nhất định → nó độc lập tương đối

A. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

B. Tính hướng định của ý thức xã hội.

C. Tính kế thừa của ý thức xã hội

D. Tính vượt trước của ý thức xã hội

Câu 39. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận điểm nào sau đây là đúng?

A. Ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định

B. Ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội nhưng không phản ánh tồn tại xã hội.

C. Ý thức cá nhân phản ánh tồn tại xã hội ở các mức độ khác nhau. (ý thức cá nhân là thể giới tinh thần của mỗi người cụ thể. mỗi bạn có một góc độ nhận thức khác nhau về xã hội nên phản ánh tồn tại xã hội ở mức độ khác nhau) (còn ý thức xã hội là cái chung của mọi cá nhân, ý thức xã hội đc biểu hiện thông qua ý thức cá nhân → ý D đúng)

D. Ý thức xã hội và ý thức cá nhân tồn tại trong mối liên hệ hữu cơ, biện chứng với nhau, thâm nhập vào nhau và làm phong phú cho nhau.

Câu 40. Theo quan điểm triết học Mác-Lênin về đặc điểm tâm lý xã hội, luận điểm nào sau đây là đúng:

<slide chương III trang 18>

Căn cứ vào tính tự giác tự phát của quá trình phản ánh chia là tâm lý xã hội và hệ tư tưởng

Tâm lý xã hội: chỉ là tâm tư tình cảm, mang tính tự phát, chỉ phản ánh bề ngoài của xã hội

Hệ tư tưởng: là xây dựng học thuyết bảo vệ cộng đồng người, hệ tư tưởng

A. Tâm lý xã hội mang tính phong phú và phức tạp (cái này đúng rồi), nó đã chỉ ra được nguồn gốc làm nảy sinh các mối quan hệ xã hội (ý sau này là sai, vì nó chỉ là cái bề ngoài mang tính tự phát).

B. Tâm lý xã hội không có vai trò gì trong ý thức xã hội. (sai vì nó có vai trò nhất định đối với ý thức xã hội)

C. Tâm lý xã hội là sự phản ánh trực tiếp có tính tự phát thường ghi lại những mặt bề ngoài tồn tại xã hội.

D. Tâm lý xã hội là sự phản ánh mang tính kinh nghiệm, yếu tố trí tuệ đan xen yếu tố tình cảm. (ví dụ khi thông báo ngày 23 dân cách mạnh hơn, trước đó 1 2 ngày rất nhiều người dân đổ ra đường đi mua đồ vì sợ ko có đồ để ăn → nó mang tính cảm xúc, suy luận chưa có căn cứ)

